

Số: /BC-LNKL

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và các biện pháp lâm sinh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Quyết định số 1818/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về bổ sung Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026; Văn bản số 4954/BNNMT-LNKL ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng kết, đánh giá thực hiện các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã tổ chức tổng kết việc thi hành các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, các biện pháp lâm sinh và nghiệm thu công trình lâm sinh. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến chính sách, dự thảo

Trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo động lực phát triển nhanh, bền vững, đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đều đặt ra yêu cầu rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp, bảo đảm hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, khả thi.

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, hoạt động quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, áp dụng các biện pháp lâm sinh và nghiệm thu công trình lâm sinh được điều chỉnh tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật ban hành ở các thời điểm khác nhau. Các quy định này đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác bảo tồn, phát triển nguồn giống, trồng rừng, phục hồi rừng, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng và quản lý nguồn vốn đầu tư. Tuy nhiên, cùng với sự thay đổi của pháp luật về đầu tư trong lâm nghiệp, thuế, hóa đơn, chứng từ và cải cách thủ tục hành chính, một số quy định đã bộc lộ hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

Việc xây dựng Thông tư quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và các biện pháp lâm sinh nhằm hợp nhất, hệ thống hóa các quy định có liên quan

trong một văn bản thống nhất; khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo; bảo đảm quản lý đồng bộ theo chuỗi từ giống, biện pháp kỹ thuật lâm sinh đến nghiệm thu kết quả đầu tư.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Thực hiện Văn bản số 4954/BNMT-LNKL ngày 18 tháng 5 năm 2026, các địa phương đã tổ chức rà soát, đánh giá việc thi hành các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, các biện pháp lâm sinh và nghiệm thu công trình lâm sinh; tổng hợp kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Tính đến ngày 20 tháng 7 năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được báo cáo của 26 địa phương. Các báo cáo cơ bản bám sát đề cương, phản ánh tình hình áp dụng quy định tại địa phương và cung cấp cơ sở thực tiễn để xem xét hoàn thiện dự thảo Thông tư.

Trên cơ sở ý kiến của địa phương, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã đối chiếu với Luật Lâm nghiệp, các luật sửa đổi, bổ sung có liên quan, Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, các quy định về thuế, hóa đơn, chứng từ và yêu cầu cải cách thủ tục hành chính; đồng thời rà soát dự thảo Thông tư và các phụ lục kèm theo.

Báo cáo này không tổng hợp toàn bộ kiến nghị của địa phương mà tập trung đánh giá những khó khăn, vướng mắc có căn cứ thực tiễn, pháp lý và đã được tiếp thu, thể hiện trong dự thảo Thông tư.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã quan tâm chỉ đạo tổ chức thi hành các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, các biện pháp lâm sinh và quản lý đầu tư công trình lâm sinh. Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan kiểm lâm và các đơn vị chuyên môn đã triển khai hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và giải quyết thủ tục theo thẩm quyền.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện thông qua các lớp tập huấn, hội nghị chuyên môn, phương tiện thông tin đại chúng và lồng ghép trong các cuộc họp tại cơ sở. Nội dung tập huấn tập trung vào quản lý nguồn giống, sản xuất và kinh doanh giống, kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, chăm sóc rừng và nghiệm thu kết quả thực hiện.

Nhiều địa phương đã chủ động công nhận nguồn giống, quản lý cơ sở sản xuất giống, xây dựng hướng dẫn kỹ thuật trồng một số loài cây bản địa và tổ chức nghiệm thu các công trình lâm sinh theo quy định. Việc kiểm tra, giám sát được duy trì, qua đó kịp thời phát hiện những nội dung chưa phù hợp để kiến nghị hoàn thiện.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế

2.1. Về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

a) Kết quả đạt được và ưu điểm

Các quy định hiện hành đã cụ thể hóa Luật Lâm nghiệp, tạo cơ sở pháp lý cho bảo tồn nguồn gen, chọn, tạo và phục tráng giống; công nhận giống, nguồn giống; quản lý chất lượng, sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.

Việc công nhận và quản lý nguồn giống được tăng cường, góp phần nâng cao chất lượng đầu vào của sản xuất lâm nghiệp. Một số địa phương đã công nhận số lượng lớn cây trội, vườn cây đầu dòng, vườn giống và lâm phần tuyển chọn; công tác kiểm soát cơ sở gieo ươm, truy xuất nguồn gốc cây giống từng bước được chú trọng.

Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống đã góp phần nâng cao nhận thức về sử dụng giống có nguồn gốc rõ ràng, tăng năng suất, chất lượng rừng trồng và hạn chế rủi ro trong sản xuất.

b) Bất cập, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, một số quy định chưa bao quát đầy đủ các tình huống phát sinh trong thực tiễn, cụ thể như sau:

b.1) Quản lý, chăm sóc và thu hái vật liệu giống từ nguồn giống thuộc rừng tự nhiên

Quy định hiện hành đã thừa nhận lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa và cây trội có thể có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhưng chưa quy định đầy đủ việc quản lý, chăm sóc, bảo vệ và thu hái vật liệu giống sau khi nguồn giống được công nhận. Việc thiếu quy định thống nhất dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau, đặc biệt đối với nguồn giống thuộc rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Thực tiễn đòi hỏi phải quy định rõ việc thu hái vật liệu giống không làm thay đổi mục đích sử dụng rừng, không ảnh hưởng chức năng của rừng, khả năng sinh trưởng, tái sinh và chất lượng di truyền của nguồn giống; đồng thời xác định trách nhiệm của chủ nguồn giống trong theo dõi, chăm sóc và bảo vệ.

b.2) Thời hạn sử dụng vật liệu giống

Quy định hiện hành mới xác định thời hạn công nhận, sử dụng nguồn giống nhưng chưa quy định nguyên tắc xác định thời hạn sử dụng đối với hạt giống, hom, cành ghép, mắt ghép và các loại vật liệu nhân giống khác. Trong khi đó, chất lượng vật liệu giống phụ thuộc trực tiếp vào thời gian, điều kiện bảo quản và đặc điểm sinh học của từng loài.

Khoảng trống này gây khó khăn cho việc kiểm tra chất lượng, truy xuất nguồn gốc và xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi đưa vật liệu giống vào sản xuất, kinh doanh.

b.3) Hồ sơ chứng minh nguồn gốc vật liệu giống

Một số quy định về hồ sơ nguồn gốc yêu cầu phải có hóa đơn bán hàng, trong khi theo pháp luật về thuế, hóa đơn và chứng từ, có giao dịch của hộ gia đình, cá nhân không thuộc trường hợp phải lập hóa đơn. Quy định chưa tính đến trường hợp này dẫn đến khó khăn khi hoàn thiện hồ sơ đối với hạt giống, hom, cành ghép, mắt ghép và vật liệu giống khác.

Do đó, cần cho phép sử dụng hợp đồng, biên bản giao nhận, phiếu xuất kho hoặc tài liệu hợp pháp khác để chứng minh giao dịch và nguồn gốc trong trường hợp pháp luật không yêu cầu lập hóa đơn.

b.4) Hộ gia đình tự thu hái hạt giống, tự sản xuất cây giống để trồng rừng

Thực tiễn phát sinh trường hợp hộ gia đình tự thu hái hạt, tự sản xuất cây giống để trồng trên diện tích thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình, không nhằm mục đích kinh doanh và không đưa giống ra lưu thông. Quy định hiện hành chưa phân định rõ trường hợp tự sản xuất để tự sử dụng với hoạt động sản xuất, kinh doanh giống, làm phát sinh yêu cầu hồ sơ chưa thực sự cần thiết.

Việc sửa đổi cần bảo đảm tạo thuận lợi cho hộ gia đình nhưng vẫn kiểm soát trường hợp bán, trao đổi, cung cấp giống cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng trong chương trình, dự án có vốn, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

b.5) Thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu giống đối với đơn vị trực thuộc Bộ

Qua rà soát, thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm thực hiện chỉ áp dụng đối với tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Về bản chất, đây là quá trình giải quyết công việc giữa các cơ quan, đơn vị trong nội bộ Bộ.

Do đó, cần chuyển thủ tục này thành thủ tục hành chính nội bộ, bảo đảm phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, không làm thay đổi điều kiện, hồ sơ kỹ thuật và yêu cầu kiểm soát đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu giống.

2.2. Về các biện pháp lâm sinh

a) Kết quả đạt được và ưu điểm

Các quy định về biện pháp lâm sinh đã tạo cơ sở pháp lý và kỹ thuật cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, nuôi dưỡng, làm giàu và cải tạo rừng tự nhiên; trồng mới, trồng lại, chăm sóc và nuôi dưỡng rừng trồng.

Việc quy định đối tượng, điều kiện áp dụng và biện pháp kỹ thuật chủ yếu đã hỗ trợ cơ quan quản lý, chủ đầu tư và chủ rừng lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, tổ chức thi công và đánh giá kết quả. Các biện pháp lâm sinh được thực hiện đã góp phần phục hồi rừng, nâng cao chất lượng rừng và bảo đảm chức năng của từng loại rừng.

b) Bất cập, hạn chế

b.1) Kết cấu quy định về chăm sóc rừng

Nội dung chăm sóc rừng hiện được quy định thành điều riêng, trong khi chăm sóc là một bộ phận gắn liền với từng biện pháp trồng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Cách bố trí này làm tăng số lượng dẫn chiếu, phát sinh trùng lặp và chưa thuận lợi khi áp dụng đối với từng loại rừng.

Cần tích hợp nội dung chăm sóc vào các điều quy định về trồng rừng để bảo đảm mỗi điều quy định đầy đủ từ chuẩn bị hiện trường, trồng, chăm sóc, trồng bổ sung đến yêu cầu kết thúc đầu tư.

b.2) Xử lý thực bì khi trồng rừng đặc dụng

Quy định hiện hành chủ yếu cho phép xử lý thực bì theo băng hoặc theo đám đối với trồng rừng đặc dụng, chưa quy định rõ trường hợp được phát dọn toàn diện trên diện tích đất trống có cỏ tranh, lau lách hoặc cây bụi thấp. Tại một số khu vực, phần thực bì không được xử lý cạnh tranh mạnh với cây trồng, làm tăng nguy cơ cháy rừng và khó xác định khối lượng trong thiết kế.

Việc bổ sung hình thức phát dọn toàn diện cần kèm điều kiện chặt chẽ: chỉ áp dụng đối với đất chưa có rừng, thực bì cạnh tranh mạnh; phải chừa lại cây gỗ bản địa, cây tái sinh mục đích, loài cần bảo tồn và thực hiện biện pháp hạn chế xói mòn.

b.3) Chăm sóc rừng khi cây chết do thiên tai hoặc điều kiện bất lợi

Quy định hiện hành chưa dự liệu đầy đủ trường hợp cây chết do thiên tai, điều kiện khí hậu khắc nghiệt hoặc lập địa đặc biệt sau năm thứ nhất. Đối với một số loài sinh trưởng chậm hoặc địa bàn thường xuyên chịu ảnh hưởng của rét đậm, hạn hán, bão, lũ, việc tiếp tục chăm sóc, trồng bổ sung trong năm thứ hai, năm thứ ba là cần thiết để bảo đảm mục tiêu đầu tư.

Việc tiếp tục thực hiện phải căn cứ thiết kế hoặc điều chỉnh thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không áp dụng máy móc đối với lâm phần đã khép tán hoặc trường hợp trồng bổ sung không còn hiệu quả.

b.4) Áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp điều kiện lập địa đặc thù

Điều kiện khí hậu, đất đai, địa hình và loài cây giữa các vùng sinh thái có sự khác biệt lớn. Một số quy định kỹ thuật được thiết kế theo hướng áp dụng chung, chưa tạo đủ cơ sở pháp lý để lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện lập địa đặc thù hoặc áp dụng biện pháp kỹ thuật mới.

Cần bổ sung quy định cho phép các biện pháp kỹ thuật cụ thể được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật đối với từng loài cây hoặc theo thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời phải bảo đảm mục tiêu đầu tư, chức năng của loại rừng và tiêu chí thành rừng.

2.3. Về quản lý đầu tư công trình lâm sinh

a) Kết quả đạt được và ưu điểm

Các quy định về quản lý đầu tư công trình lâm sinh đã tạo cơ sở cho việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán; tổ chức thi công, giám sát và nghiệm thu các hoạt động lâm sinh sử dụng nguồn vốn nhà nước.

Quy định về nghiệm thu hạng mục, nghiệm thu năm và nghiệm thu kết thúc đầu tư đã góp phần kiểm soát khối lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện; làm căn cứ thanh toán, quyết toán và xác định trách nhiệm của các bên.

b) Bất cập, hạn chế

b.1) Sự chồng chéo, phân tán của quy định

Sau khi Nghị định số 58/2024/NĐ-CP được ban hành, Chương II, Điều 20 và một số phụ lục của Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT đã hết hiệu lực. Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT tiếp tục sửa đổi phần lớn các quy định còn lại về nghiệm thu. Việc duy trì một văn bản đã bị thay thế phần lớn gây khó khăn cho tra cứu và áp dụng.

Cần bãi bỏ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT và kế thừa các quy định còn phù hợp về nghiệm thu trong Thông tư mới, bảo đảm thống nhất với Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

b.2) Bố trí nội dung nghiệm thu

Các quy định về chỉ tiêu, phương pháp và biểu mẫu nghiệm thu có tính kỹ thuật chi tiết nhưng hiện được bố trí tại nhiều điều, khoản và phụ lục khác nhau. Cách quy định này làm văn bản dài, nhiều dẫn chiếu và khó theo dõi khi có yêu cầu cập nhật kỹ thuật.

Cần quy định nguyên tắc, trách nhiệm và trình tự chung trong phần điều khoản; đưa chỉ tiêu, phương pháp, biểu mẫu nghiệm thu vào phụ lục kèm theo Thông tư.

b.3) Tiêu chí nghiệm thu chưa đồng bộ với quy định kỹ thuật

Một số tiêu chí nghiệm thu về mật độ, tỷ lệ sống và tiêu chuẩn thành rừng chưa thống nhất với mật độ, cơ cấu loài và yêu cầu kỹ thuật quy định tại các điều về trồng rừng. Sự thiếu đồng bộ có thể dẫn đến cùng một lâm phần đạt yêu cầu theo thiết kế nhưng không đáp ứng chỉ tiêu nghiệm thu hoặc ngược lại.

Cần rà soát đồng bộ toàn bộ tiêu chí nghiệm thu với quy định kỹ thuật của từng biện pháp lâm sinh, phân biệt rõ nghiệm thu khối lượng, chất lượng thực hiện với việc xác định lâm phần đạt tiêu chí thành rừng.

b.4) Thành phần tham gia nghiệm thu

Quy định hiện hành về thành phần nghiệm thu tại một số trường hợp chưa phân định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị thi công, tư vấn giám sát và cơ quan phối hợp tại địa phương. Việc quy định bắt buộc đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc kiểm lâm địa bàn tham gia mọi cuộc nghiệm thu có thể làm phát sinh khó khăn trong tổ chức thực hiện và làm chưa rõ trách nhiệm của chủ đầu tư.

Cần điều chỉnh theo hướng xác định chủ đầu tư, đơn vị thi công và tư vấn giám sát là các chủ thể chịu trách nhiệm trực tiếp; cơ quan cấp xã, kiểm lâm địa bàn tham gia phối hợp, chứng kiến hoặc xác nhận khi cần thiết.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc

Hệ thống văn bản hiện hành được ban hành ở nhiều thời điểm, một số nội dung đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nhưng chưa được hợp nhất trong một văn bản, gây khó khăn cho việc tra cứu, phổ biến và áp dụng.

Một số quy định về giống chưa bao quát trường hợp nguồn giống thuộc rừng tự nhiên, hộ gia đình tự sản xuất giống để tự sử dụng, thời hạn sử dụng vật liệu giống và hồ sơ giao dịch không phải lập hóa đơn.

Một số quy định kỹ thuật lâm sinh chưa đủ linh hoạt để xử lý điều kiện lập địa đặc thù, thiên tai hoặc áp dụng biện pháp kỹ thuật mới. Kết cấu quy định về chăm sóc còn phân tán và trùng lặp.

Các quy định nghiệm thu chưa được sắp xếp tập trung; một số tiêu chí chưa đồng bộ với yêu cầu kỹ thuật và thành phần tham gia nghiệm thu chưa phản ánh đầy đủ trách nhiệm của từng chủ thể.

3.2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống pháp luật về lâm nghiệp, đầu tư, thuế, hóa đơn, chứng từ và thủ tục hành chính có nhiều thay đổi trong thời gian gần đây.

- Điều kiện tự nhiên, lập địa và tập quán sản xuất lâm nghiệp giữa các vùng có sự khác biệt lớn.

- Hoạt động lâm nghiệp triển khai trên địa bàn rộng, nhiều khu vực vùng sâu, vùng xa, địa hình chia cắt, thường xuyên chịu tác động của thiên tai.

- Yêu cầu chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính và đổi mới mô hình tổ chức bộ máy đặt ra yêu cầu mới đối với quản lý chuyên ngành.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số quy định được xây dựng trong bối cảnh trước đây, chưa dự liệu đầy đủ tình huống phát sinh trong thực tiễn.

- Quy định về giống, biện pháp lâm sinh và nghiệm thu được bố trí tại nhiều văn bản, chưa bảo đảm tính liên thông theo chuỗi.

- Việc cập nhật, hệ thống hóa và rà soát đồng bộ quy định kỹ thuật với tiêu chí nghiệm thu chưa được thực hiện kịp thời.

- Một số nội dung quy định chi tiết, thiếu cơ chế linh hoạt để áp dụng theo đặc điểm loài cây và điều kiện lập địa.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Qua tổng kết cho thấy cần bổ sung, hoàn thiện các vấn đề mới phát sinh sau đây:

4.1. Về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

- Quản lý, chăm sóc, bảo vệ và thu hái vật liệu giống từ nguồn giống thuộc rừng tự nhiên.
- Nguyên tắc xác định thời hạn sử dụng và kiểm tra lại chất lượng vật liệu giống.
- Tài liệu chứng minh nguồn gốc trong trường hợp giao dịch không thuộc diện phải lập hóa đơn.
- Phạm vi miễn thực hiện hồ sơ đối với hộ gia đình tự sản xuất giống để trồng rừng của gia đình, không nhằm mục đích thương mại.
- Chuyển thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu giống đối với đơn vị trực thuộc Bộ thành thủ tục hành chính nội bộ.

4.2. Về các biện pháp lâm sinh

- Tích hợp quy định về chăm sóc vào từng điều quy định trồng rừng.
- Bổ sung hình thức xử lý thực bì toàn diện có điều kiện đối với trồng rừng đặc dụng.
- Cho phép tiếp tục chăm sóc, trồng bổ sung trong năm thứ hai, năm thứ ba đối với trường hợp thiên tai, khí hậu khắc nghiệt hoặc lập địa đặc biệt theo thiết kế được phê duyệt.
- Cho phép áp dụng biện pháp kỹ thuật theo hướng dẫn của từng loài hoặc thiết kế kỹ thuật được phê duyệt, bảo đảm mục tiêu, chức năng loại rừng và tiêu chí thành rừng.

4.3. Về quản lý đầu tư công trình lâm sinh

- Bãi bỏ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT và hệ thống hóa quy định còn phù hợp trong Thông tư mới.
- Sắp xếp các chỉ tiêu, phương pháp và biểu mẫu nghiệm thu tại phụ lục.
- Rà soát tiêu chí nghiệm thu thống nhất với quy định kỹ thuật về mật độ, tỷ lệ sống và tiêu chí thành rừng.
- Điều chỉnh thành phần tham gia nghiệm thu, phân định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị thi công, tư vấn giám sát và cơ quan phối hợp.

5. Những nội dung khác

Không có.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định chưa phù hợp

a) Về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

- Bổ sung quy định về quản lý, chăm sóc, bảo vệ và thu hái vật liệu giống từ nguồn giống thuộc rừng tự nhiên.
- Bổ sung quy định về thời hạn sử dụng vật liệu giống, điều kiện bảo quản và kiểm tra lại chất lượng.

- Quy định hồ sơ nguồn gốc đối với giao dịch không thuộc diện phải lập hóa đơn được chứng minh bằng hợp đồng, biên bản giao nhận, phiếu xuất kho hoặc tài liệu hợp pháp khác.

- Bổ sung quy định đối với hộ gia đình tự thu hái hạt giống, tự sản xuất cây giống để trồng rừng của gia đình, không nhằm mục đích thương mại; quy định rõ trách nhiệm khi đưa giống ra lưu thông.

- Chuyển thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp đối với đơn vị trực thuộc Bộ thành thủ tục hành chính nội bộ.

b) Về các biện pháp lâm sinh

- Tích hợp nội dung chăm sóc rừng vào các điều quy định về trồng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

- Bổ sung hình thức xử lý thực bì toàn diện đối với diện tích trồng rừng đặc dụng có điều kiện thực bì phù hợp; quy định biện pháp bảo vệ cây bản địa, cây tái sinh mục đích và hạn chế xói mòn.

- Bổ sung quy định tiếp tục chăm sóc, trồng bổ sung trong trường hợp cây chết do thiên tai, khí hậu khắc nghiệt hoặc lập địa đặc biệt theo thiết kế hoặc điều chỉnh thiết kế được phê duyệt.

- Bổ sung quy định áp dụng biện pháp kỹ thuật theo hướng dẫn đối với từng loài cây hoặc theo thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm mục tiêu đầu tư, chức năng loại rừng và tiêu chí thành rừng.

c) Về quản lý đầu tư công trình lâm sinh

- Bãi bỏ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT, bảo đảm thống nhất với Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

- Quy định nguyên tắc, trách nhiệm và trình tự nghiệm thu trong phần điều khoản; đưa chỉ tiêu, phương pháp và biểu mẫu nghiệm thu vào phụ lục.

- Rà soát, điều chỉnh tiêu chí nghiệm thu thống nhất với quy định kỹ thuật của từng biện pháp lâm sinh, nhất là mật độ, tỷ lệ sống và tiêu chí thành rừng.

- Điều chỉnh thành phần tham gia nghiệm thu theo hướng phân định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị thi công, tư vấn giám sát và cơ quan phối hợp.

2. Kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành

Đề nghị xây dựng và ban hành Thông tư quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và các biện pháp lâm sinh theo hướng hợp nhất, hệ thống hóa các quy định hiện hành trong một văn bản thống nhất, bảo đảm quản lý đồng bộ theo chuỗi từ giống, biện pháp kỹ thuật lâm sinh đến nghiệm thu.

Sau khi Thông tư được ban hành, tổ chức xây dựng tài liệu hướng dẫn, tập huấn cho cơ quan quản lý, chủ đầu tư, chủ rừng, cơ sở sản xuất, kinh doanh giống; đồng thời cập nhật thủ tục hành chính, quy trình nội bộ và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Tăng cường ứng dụng hồ sơ điện tử, chữ ký số, bản đồ số và dữ liệu hiện trường trong quản lý giống, thiết kế, giám sát và nghiệm thu; đẩy mạnh kiểm tra theo rủi ro và truy xuất nguồn gốc.

Tiếp tục rà soát tiêu chuẩn quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật và hướng dẫn kỹ thuật đối với từng loài cây, từng biện pháp lâm sinh để bảo đảm thống nhất với Thông tư và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm báo cáo tổng kết việc thi hành quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và các biện pháp lâm sinh, làm cơ sở xây dựng, hoàn thiện dự thảo Thông tư quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và các biện pháp lâm sinh./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, PTR.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Triệu Văn Lực